

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-PT.

Ngày 27/12/2017.

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Như Hiễn

Ông Nguyễn Gia Lương

-Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Tổ Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2017/TLPT-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2017/HNGĐ-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐPT-HNGĐ, ngày 21/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐ-PT ngày 08/12/2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Chị Trương Thị N, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/12/2016, bản tự khai và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Trương Thị N được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và cùng nhau ký kết giấy đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2014 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 20/12/2014 (Âm lịch), sau ngày cưới chị N về gia đình anh làm dâu và sống chung cùng anh tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Tháng 9/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau nói không ai nghe ai dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau, không phát triển được kinh tế gia đình, ngoài ra sau 01 tháng kể từ khi chị N về sống chung cùng anh, chị N còn mắc bệnh động kinh lên cơn co giật ngày 01 đến 02 lần. Gia đình anh đã đưa chị Ngân đi Bệnh viện 108 để kiểm tra, phát hiện chị N bị bệnh động kinh, phải điều trị, nay anh xác định chị N chữa trị nhưng cũng không thể khỏi được. Chính vì vậy chị N khi sinh con không trông con được đều phải mẹ anh trông con. Chị N về bên ngoại từ tháng 9/2016 để chữa bệnh suốt từ đó cho đến nay chị N cũng không về thăm con, vợ chồng cũng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nguyện vọng xin được ly hôn chị Trương Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 22/12/2014. Anh có nguyện vọng được nuôi con chung không yêu cầu chị Ngân phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Nghề nghiệp hiện nay anh làm vườn trồng cây ăn quả thu nhập bình quân 300.000đ/ ngày, ngoài làm vườn anh còn đi làm ở Công ty D, Bắc Giang theo thời vụ từ 3 đến 6 tháng, thu nhập bình quân 6,5 triệu/ tháng hết thời gian này anh lại về nhà làm vườn, anh cam đoan nuôi được con của mình.

Tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác: Vợ chồng anh ở chung với bố mẹ không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 17/8/2017 và tại phiên tòa bị đơn chị Trương Thị N trình bày: Sức khỏe của chị hiện nay bình thường không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự. Chị và anh Nguyễn Văn C có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và cùng nhau đi ký kết giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 10/1/2014. Hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương (không nhớ thời gian), sau ngày cưới chị về gia đình nhà chồng làm dâu và sống chung cùng anh C tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 9/2016 nguyên nhân là do trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không hợp nhau, nói không ai nghe ai, anh C thường xuyên chửi mắng, đuổi, vắt quần áo của chị ra ngoài và gọi xe tắc xi đưa chị trả về bên ngoại tại thôn L, xã

L, huyện S ở. Chị cũng thừa nhận khi về gia đình nhà chồng làm dâu và sống chung cùng anh C đã được gia đình nhà chồng đưa đi Bệnh viện 108 để kiểm tra, nhưng đến nay chị không có bệnh động kinh như anh C trình bày (chưa có kết luận của cơ quan chuyên môn). Chị về bên ngoại tại thôn L, xã L, huyện S ở từ tháng 9/2016, anh C không hỏi thăm, mà chỉ điện thoại đề nghị ra Tòa ly hôn, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn vợ chồng cũng ly thân nhau từ đó cho đến nay anh C xin ly hôn chị nhất trí.

Con chung: Chị và anh Chung có một con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 22/12/2014, hiện đang ở với anh C, nguyện vọng chị xin được nuôi con không yêu cầu anh C phải đóng góp tiền cấp dưỡng. Chị về bên ngoại ở làm ruộng, chăn nuôi cùng gia đình bố mẹ chị.

Tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác: Vợ chồng chị ở chung với bố mẹ không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Với nội dung trên tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 34/2017/HNGĐ-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn đã áp dụng khoản 1 Điều 28 Điều 35; Điều 147; Điều 171; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Trương Thị N

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 22/12/2014 cho chị Trương Thị N trông nom, giáo dục, nuôi dưỡng, kể từ tháng 10/2017.

Đối với việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không đề cập giải quyết nên không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn C có quyền thăm non con không ai được cản trở.

Về tài sản chung, riêng, đất ruộng nông nghiệp và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Xác nhận anh Nguyễn Văn C đã nộp đủ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu dự phí số: AA/2014/0000996, ngày 10/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 19/9/2017 anh Nguyễn Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm về phần con chung, cùng ngày anh C nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, anh C kháng

cáo đề nghị giao con chung cho anh nuôi. Lý do anh có sự ổn định về kinh tế, sức khỏe tốt nên việc nuôi con được đảm bảo hơn, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C không rút đơn đơn khởi kiện, đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh kháng cáo đề nghị giao con chung cho anh nuôi vì hiện tại chị N sức khỏe yếu không đủ điều kiện nuôi con, chị N bị bệnh động kinh vài tháng lại bị một lần, về tài liệu chứng minh chị N bị bệnh anh không có nộp cho Tòa án, từ khi vợ chồng ly thân và ly hôn đến nay con vẫn ở với anh và phát triển bình thường. Công việc của anh là trồng cây, chăn nuôi cùng gia đình anh còn làm ở Công ty Đ. Thu nhập của anh khoảng 6,5 triệu đồng/ tháng. Anh đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét giao con chung là cháu K cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trương Thị N trình bày: Chị không đồng ý kháng cáo của anh C, chị không bị bệnh, chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã L, huyện S ở và có làm ruộng, chăn nuôi cùng bố mẹ, chị có thu nhập đảm bảo nuôi con. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 và điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Trương Thị N kết hôn vào ngày 10/01/2014 tại UBND xã T, huyện L, Bắc Giang đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến Tháng 9/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị N về bố mẹ đẻ ở từ tháng 9/2016 và vợ chồng cũng ly thân nhau từ đó cho đến nay không quan hệ tình cảm và quan tâm đến nhau nữa. Anh C xin ly hôn chị N nhất trí. Bản án sơ thẩm đã công nhận thuận tình ly

hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Trương Thị N. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh C và chị N có một con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 22/12/2014. Bản án sơ thẩm giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 22/12/2014 cho chị Trương Thị N trông nom, giáo dục, nuôi dưỡng, kể từ tháng 10/2017. Anh Nguyễn Văn C có quyền thăm non con không ai được cản trở. Anh C kháng cáo đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 22/12/2014 cho anh trông nom, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét kháng cáo của anh C, Hội đồng xét xử thấy:

Cháu Nguyễn Duy K sinh ngày 22/12/2014 khi xét xử sơ thẩm cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Tại phiên tòa phúc thẩm anh C trình bày chị N bị bệnh không có đủ sức khỏe để nuôi con nhưng anh không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Do vậy, bản án sơ thẩm giao con chung cho chị N nuôi là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Nên căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về con chung giao cho chị Trương Thị N nuôi con chung Nguyễn Duy K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/NQUBTVQH 14 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung.

Áp dụng: □p dụng khoản 1 Điều 28 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14, ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 22/12/2014 cho chị Trương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn C có quyền thăm non con không ai được cản trở anh Chung thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0003040, ngày 19/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP..

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền